

LÝ QUÝ DÂN\*

## SƠ KHẢO THUẬT TỊCH PHẬT GIÁO TRUNG QUỐC THỜI MINH - THANH HIỆN LƯU TRỮ TẠI VIỆT NAM<sup>1</sup>

(Tiếp theo kì trước)

\* *Giải hoặc biên* 《解惑編》 là trứ tác của Hoảng Tán, hiện tại còn trong “Gia Hưng tạng”<sup>1</sup>, bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm có ghi do sa môn Hoảng Tán biên soạn, có bài “Giải hoặc biên tự” 解惑編序 của Y Nguyên Tiến 尹源進. Bản trùng san tại Việt Nam cũng bảo lưu bài tựa “Đệ nhị khắc Giải hoặc biên Thượng Hạ quyển” 第二刻解惑編上下卷 của Phan Sở Ngoạn 潘楚玩 và Trương Tải Đạo 張載道 cùng viết, nội dung như sau:

“Vì sao lại làm sách *Giải hoặc*? Vì người không hiểu rõ nên làm vậy. Phật pháp lấy chỗ Hư làm gốc, lấy chỗ Vô làm trọng, không thể lấy sắc tướng để thấy, không thể dùng thanh âm để cầu, nên người không hiểu không có gì là lạ. Trước thời Nghiêu Thuấn, là thuở Bàn Cổ lòng người sống say chết mộng; sau thời Thương Chu, là khi Tần Hoàng thế giới trời ám mây mù. Từ khi Hán Minh Đế sai sứ tới Thiên Trúc mà được kinh Phật thì Phật nhật sáng rõ, từ vân che khắp. Kể từ đó tới nay thì kẻ thành tâm lễ bái, có công đức đều được chứng nghiệm. Có khi có kẻ biết lời thấy lệch, lại nói Phật là người Di, nói Pháp là rối loạn, lời bậy không bị trừng phạt, thật là đáng than. Cuốn sách này, là do Đinh Hồ Tại hòa thượng tập hợp,

---

\* Nghiên cứu viên sau Tiến sĩ, khoa Lịch sử, Đại học Thành Công (Đài Loan).  
Địa chỉ: N°. 1 University Road, Taiwan City nol, Taiwan. R.O.C.

<sup>1</sup> Nguyên bản tiếng Trung: 李貴民, “越南所藏明清佛教文獻初探”, 佛光學報 新六卷. 第一期, 2020年1月, 頁279-320. Bản dịch tiếng Việt có giản lược một số nội dung tri thức đã phổ biến ở Việt Nam về lịch sử Việt Nam, các kho lưu trữ tư liệu Hán Nôm tại Việt Nam, và bổ sung một số chú thích của người dịch (ND). Những sự thay đổi này đã được tác giả đồng ý.

Ngày nhận bài: 18/10/2020; Ngày biên tập: 11/01/2021; Duyệt đăng: 15/02/2021.

xem lại điều xưa, phân tích đúng sai; hễ là thánh đế minh vương hay hiền nhân quân tử mà biết điều đáng coi trọng, cùng lời bàn luận hay, biết rõ sự lý thì đều thứ tự đưa vào sách này; khiến cho kẻ ngoan cố được tỉnh tâm ngộ đạo, bỏ vọng về chân; công lao ấy chẳng lớn hay sao? Sách này truyền ở nước Nam đã lâu, đã trải qua san khắc in ấn, vắn lưu ở chùa Cà An tại kinh đô, tới nay vẫn còn. Mới thì lành sau thì hỏng, thời gian lâu xa thì lời mai một. Người có lòng muốn độ thế, nhìn thấy bọ bạc mà không ngộ ra điều đây hay sao? Bèn theo thiện duyên khắc lại, nguyên bản đã lìa đứt lại được nối liền, đã mờ tối lại được sáng rõ. Khảo xét chẳng thấy sai lầm, tin tưởng mà không nghi ngại...”

解惑，何為而作歟？為人之難曉而作也，蓋佛法以虛為本，以無為尊，不可以色相見，不可以聲音求，無怪乎人之難曉也。慨（概）堯舜以前，盤古醉生夢死之人心，商周而後秦皇曠日迷雲之世界，暨漢明帝遣使之天竺得佛經，佛日增輝、慈雲遍覆，自是以來誠心禮拜，有功德者，各有證驗，間有後生末學，苟明偏見，卻說佛為夷，說法為亂，訛言莫懲，可勝嘆哉。是編也，鼎湖在和尚所集，披閱古，分析是非，凡聖帝明王、賢人君子，知所尊尚及議論格言、明辨事理者，悉次是編，使頑疲之徒，醒心悟道，去妄歸真，其功顧不鉅乎？播於南國已有年矣，前經刊鑄印，板留京都乾安寺，至今尚存。夫！始成終弊，世遠言煙（湮）。有度世之婆心者，可坐視其蠹魚，而莫之省耶？爰述善緣重鑄，原版已斷者復屬而復聯，已晦者復而復著，考之而不謬，質之而無疑，亦牘民之……一助耳<sup>2</sup>。

Có thể biết rằng, vắn in bộ sách này vẫn còn ở chùa Cà An, là tác phẩm *Giải hoặc biên* do “Đình Hồ Tại hòa thượng tập hợp”, vì muốn “đã lìa đứt lại được nối liền, đã mờ tối lại được sáng rõ” nên san khắc lại. Tuy rằng năm 1859 bộ sách này mới được trụ trì Thông Vinh 通榮 của chùa Hàm Long 含龍 (huyện Quế Dương,

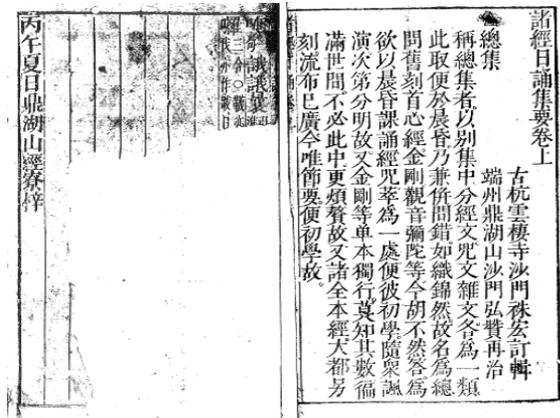
phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) trùng san, hòa thượng Bồ Sơn Phúc Điền 蒲山福田 biên tập, nhưng đối chiếu với bản của Tân Văn Phong thì thấy bản của Viện NCHN vẫn sắc nét, nội dung gần như tương đồng hoàn toàn.

Tuy nhiên, do chùa Càn An sửa chữa vào năm 2017, mộc bản *Giải hoặc biên* bị xếp ra ngoài hành lang mà không có biện pháp bảo vệ nào. Khi tới điền dã tại chùa Càn An, chúng tôi phát hiện ra số mộc bản này đã bị mối mọt nhiều, thậm chí mục nát.



Hình 10: Đối chiếu *Giải hoặc biên* của chùa Càn An (bên trái) và của “Gia Hưng tạng” (bên phải)

Sách thuộc loại thứ hai có *Chư kinh nhật tụng* 《諸經日誦》, tác phẩm này vốn do Vân Thê Châu Hoàng biên tập hiệu đính, nhập vào “Gia Hưng Tạng” ở tập số 32, mục số B227 “Vân Thê pháp vưng (Tuyển lục)” 雲棲法彙 (選錄). Nhưng bản lưu ở Viện NCHN là bản do Hoàng Tán sửa chữa lại từ bản của Vân Thê Châu Hoàng. Sách này so với *Sa môn nhật dụng* 《沙門日用》 do Hoàng Tán tự biên tập có chỗ không giống nhau. Hiện tại tác phẩm này chưa được nhập vào “Đại Chính tân tu đại tạng kinh” 《大正新修大藏經》 và “Gia Hưng tạng”, dường như không được lưu giữ trong mục lục Kinh tạng nào khác.



Hình 11: Trang đầu và trang cuối bản *Chư kinh nhật tụng* của Việt Nam

Về cơ bản, nội dung sách này giống với *Chư kinh nhật tụng tập yếu* 《諸經日誦集要》 của Châu Hoằng. Nhưng vì nhu cầu về nghi quỹ khác nhau của thời đại sau nên Hoằng Tín đã có một số sửa đổi. Hiện tại có thể xác định những điểm bất đồng trước khi kết thúc nghi quỹ giữa hai đại sư, điểm khác biệt lớn nhất là: ở trong *Chư kinh nhật tụng tập yếu*, sau “Kích chung nghi” 擊鐘儀 là tới “Kết hội niệm Phật nghi” 結會念佛儀, “Hương tán” 香讚, “Tây phương tán” 西方讚 là kết thúc toàn bộ nghi quỹ; còn ở *Chư kinh nhật tụng* của Hoằng Tín, sau phần “Kết hội niệm Phật nghi” 結會念佛儀 tới “Kích chung nghi” 擊鐘儀 là trọn vẹn nghi thức. Ngoài ra, pháp sư Hoằng Tín lại viết thêm sau đó một thiên đoản văn có nội dung:

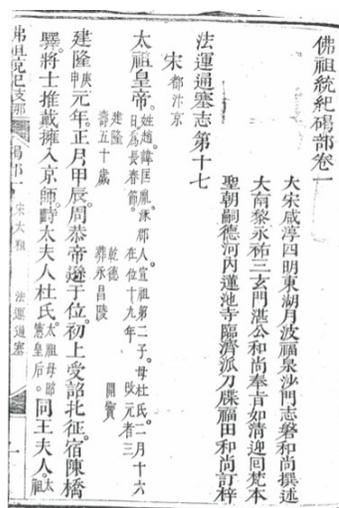
“Phàm tu cúng dàng chuyên trọng ở biên thực chân ngôn” 凡修供養專重在一變食真言 nhưng “nay đang khi mặt pháp, lia Thánh đã xa, Tăng nhân từ phương Tây chẳng tới nữa, đã lâu không còn truyền khẩu, nên Phạm âm đã thành thổ ngữ, nay tạm lấy Phạm âm đặt dưới chữ chân ngôn, người có trí tuệ muốn sửa lại cho đúng những chỗ ngoa truyền trong giáo pháp nên lưu tâm học tập, để cho âm thanh điều hòa không trì trệ, mới có thể sửa điều sai cũ” 今當末法之秋, 去聖時遙, 梵僧不至, 久絕口授, 故梵音而成土語矣, 茲略以梵音贅於真言字下, 其有智者, 樂正法訛, 自當留心熟習, 令音調和無滯, 始能改其舊錯<sup>3</sup>.

Có thể thấy rằng sự sửa chữa của Hoàng Tán là có mục đích, không phải tùy ý thay đổi tác phẩm của Vân Thê Châu Hoàng.

Phân tích từ thông tin ở trên, trong số các tác phẩm của pháp sư Hoàng Tán được trùng khắc ở Việt Nam và hiện lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, niên đại sớm nhất có thể bắt đầu từ 1670 (*Quy Sơn cảnh sách cú thích kí*), niên đại muộn nhất là 1905 (*Lục đạo tập*), có thể chứng minh trứ tác của pháp sư Hoàng Tán sau khi được pháp sư Tính Tuyên mang về nước đã được lưu truyền vài trăm năm ở Việt Nam, đặc biệt ảnh hưởng sâu rộng ở phía Bắc Việt Nam.

Phạm vi không gian truyền bá của số kinh sách kể trên cũng rất rộng, không chỉ giới hạn ở chùa Càn An mà nhiều chùa ở các địa phương khác cũng trùng khắc, in ấn những kinh sách đó: chùa Phúc Khánh tỉnh Thái Bình in lại *Bát nhã ba la mật đa kinh thêm túc*, chùa Bảo Linh xã Đan Hội in lại *Quy Sơn cảnh sách cú thích kí*, chùa Quang Minh tỉnh Hải Dương san khắc *Sa di luật nghi yếu lược tăng chú*, chùa Linh Quang Hà Nội in *Lục đạo tập*, chùa Vĩnh Nghiêm in *Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích*. Hoạt động in ấn đó cho thấy kinh điển thuộc “Gia Hưng tạng” giai đoạn cuối Minh đầu Thanh ở Trung Quốc thông qua hoạt động giao lưu của Tăng nhân Việt - Trung đã ảnh hưởng rộng rãi ở miền Bắc Việt Nam.

Ngoài trứ tác của pháp sư Hoàng Tán, pháp sư Tính Tuyên còn mang về thư tịch Phật giáo được viết bởi những vị tăng Trung Quốc khác, ví dụ như *Phật tổ thống kỉ* 《佛祖統紀》 có thông tin trong “Hệ thống kho tư liệu về mục lục văn hiến Hán Nôm Việt Nam” như sau: “Sách này do sa môn Chí Bàn 志磐 ở Tứ Minh - Phúc Tuyên làm năm Hàm Hanh thứ 5 đời nhà Tống, có bài tựa đầu tiên của tác giả. Niên hiệu Vĩnh Hựu, hòa thượng Trạ Công truyền từ Trung Quốc tới Việt Nam, được hòa thượng Phúc Điền khắc ván in”<sup>4</sup>.



Hình 12: Bản *Phật Tổ thống kê* ở Việt Nam

Trạm Công Hòa thượng chính là Tính Tuyên Trạm Công, thông tin đầy đủ trong sách về nhân vật này là: “Hòa thượng Trạm Công ở Tam Huyền Môn vào niên hiệu Vĩnh Hựu thời Lê đã sang nhà Thanh mang phàm bản về” 大南黎永祐三玄門湛公和尚奉旨如清迎回梵本, bổ sung thêm bằng chứng về chuyến đi phụng chỉ cầu pháp của Tính Tuyên vào niên hiệu Vĩnh Hựu (1735 – 1740). Vĩnh Hựu là niên hiệu của vua Lê Ý Tông, nhưng quyền lực trong giai đoạn này rơi vào tay họ Trịnh, vua Ý Tông là do chúa Trịnh Giang lập. Thời kì này, chúa Trịnh có thái độ nhiệt thành ủng hộ Phật giáo, ngoài sự kiện xây dựng ba ngôi chùa Quỳnh Lâm, Hồ Thiên, Hương Hải vào tháng Giêng năm Vĩnh Hựu thứ 2, chúa Trịnh cũng cho đúc tượng Phật lớn ở chùa Quỳnh Lâm vào năm Vĩnh Hựu thứ 3, sai trăm quan tùy theo phẩm hàm mà nộp đồng<sup>5</sup>. Vậy nên chỉ dụ mà Tính Tuyên vâng theo nhiều khả năng là chỉ dụ của chúa Trịnh.

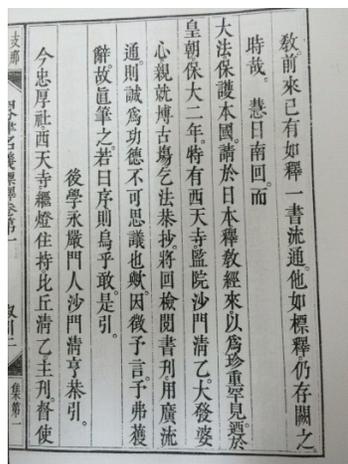
Trong số Phật điển được đưa vào Viện NCHN, thông qua đối chiếu và phân tích văn bản học, chúng tôi thấy rằng, có một số tác phẩm được pháp sư Tính Tuyên mang về có nguồn từ “Gia Hưng tạng” được san khắc giai đoạn cuối Minh đầu Thanh. Tuy một số

Phật điển là bản trùng khắc, nhưng có ghi chú rất rõ ràng ràng căn cứ vào bản do pháp sư Tính Tuyên mang về để trùng khắc.

### **3.3 Tăng nhân bản địa trùng san**

Hiện tại, số thư tịch Phật giáo truyền vào Việt Nam giai đoạn sớm hiện có ở Viện NCHN, vì khó xác định nguồn gốc truyền nhập, nên chúng tôi gọi chung là thư tịch do Tăng nhân bản địa Việt Nam đưa về. So với hai nhóm sách xác định được rõ ràng nguồn gốc ở trên thì nhóm sách này vẫn cần tiếp tục xác định nguồn gốc truyền nhập. Tuy nhiên, hiện tại chúng tôi có thể xác định một số sách trong nhóm này hiện tại rất hiếm thấy.

*Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích* 《四分律名義標釋》 là tác phẩm do pháp sư Hoàng Tấn chú thích, văn bản ở Viện NCHN được in lại năm thứ 4 niên hiệu Bảo Đại (1929). Tác phẩm này nhiều khả năng không phải do pháp sư Tính Tuyên mang về, mà là bản khắc ván lại từ thư tịch Phật giáo Nhật Bản dưới thời Bảo Đại do chùa Vĩnh Nghiêm thực hiện. Lúc đó Việt Nam đang là nước bảo hộ thuộc Pháp, lại có quan hệ mật thiết với Nhật Bản, nên “thỉnh từ kinh Phật Nhật Bản, cho là quý báu ít thấy, tới năm Bảo Đại thứ 2 (1927), có sa môn Thanh Át là giám viện chùa Tây Thiên phát tâm tới trường Bác Cổ, xin người Pháp cho sao chép lại, mang về kiểm duyệt san khắc, để lưu thông rộng rãi, ắt thành công thức không thể nghĩ bàn vậy” 請於日本釋教經來，以為珍重罕見，迺於皇朝保大二年，特有西天寺監院沙門清乙，大發婆心，就博古場，乞法恭抄，將回檢閱書刊，用廣流通，則誠為功德不可思議也歟<sup>6</sup>. Có thể thấy rằng sách của pháp sư Hoàng Tấn về Giới Luật đã có ảnh hưởng sâu đậm tới Phật giáo Việt Nam, nếu sách về Giới Luật bị thiếu thì thường lấy trứ tác của pháp sư Hoàng Tấn để bổ sung.



Hình 13: *Tứ phân luật danh nghĩa tiêu thích*

Ngoài ra, bản *Phóng quang Bát nhã Ba la mật kinh* 《放光般若波羅蜜經》 (AC.527/1-4) ở Viện NCHN có dạng phương sách, ở đầu quyển có hai đồ hình:



Hình 14: Hai đồ hình ở đầu quyển *Phóng quang Bát nhã Ba la mật kinh*, bản Việt Nam

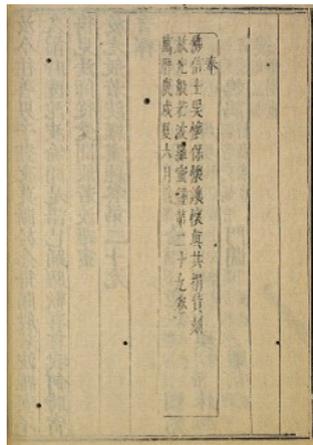
Bản lưu tại Viện NCHN có hình thức giống mô thức san khắc thường thấy trong “Kính Sơn tạng” 徑山藏 (Gia Hưng tạng), mà rất có khả năng có nguồn từ bản “Gia Hưng tạng” thời Vạn Lịch, vì trang cuối quyển 1 của bản này có lời đề giống hệt bản trong đại

tặng kinh Vạn Lịch ở đại học Tokyo. Lời đề ở bản của Đại học Tokyo như sau:

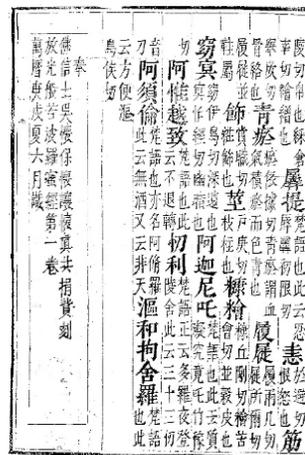
“Tín sĩ thờ Phật là Ngô Hoài Bảo, Hoài Nhượng, Hoài Chân cùng góp tiền khắc quyển 29 Phóng quang Bát nhã ba la mật kinh. Tháng 6 năm Mậu Tuất niên hiệu Vạn Lịch.” 奉佛信士吳懷保、懷讓、懷真共捐貲刻放光般若波羅蜜經第二十九卷 萬曆庚戌夏六月<sup>7</sup>.

Ở trong bản của Đại học Tokyo, gần như cuối mỗi quyển đều có lời đề, nói rõ người trợ khắc từng quyển đều là ba anh em Ngô Hoài Bảo, Hoài Nhượng, Hoài Chân. Nhưng ở cuối quyển 30 chỉ có phần âm thích, trang kế tiếp để trống thành bìa lót, phỏng đoán rằng sự bỏ trống này do ván bị mòn hoặc rời trang<sup>8</sup>. Theo logic có thể suy đoán rằng cuối quyển này vốn cũng có lời đề.

Tuy nhiên, ở bản *Phóng quang Bát nhã Ba la mật kinh* ở Việt Nam, liền sau phần “Âm thích” ở mỗi quyển là tới lời đề, không giống như bản ở Đại học Tokyo là cách một trang mới khắc phần lời đề. Nhưng nội dung và hình thức của bản Việt Nam so với bản của Nhật hầu như giống nhau, chỉ nhiều hơn một chữ “Thức” 識 ở cuối cùng.



Hình 15: Lời đề trong bản *Phóng quang Bát nhã Ba la mật kinh* của Đại học Tokyo



Hình 16: Lời đề trong bản *Phóng quang Bát nhã Ba la mật kinh* của Việt Nam

Ngoài ra, *Phật thuyết Trường A hàm kinh* 《佛說長阿含經》 có nội dung và hình thức cơ bản giống bản ở Đại học Tokyo, chỉ có điểm khác ở phần quyên góp trợ san ghi tên người Việt Nam, vì khi trùng khắc ngoài những người góp tiền để cầu công đức phúc báo cho mình, còn có những người góp tiền dưới danh nghĩa những người đã mất trong gia đình để cầu sự phù hộ của Phật dành cho họ.

Bên cạnh đó, *Tăng nhất A hàm kinh* 《增一阿含經》 (Viện NCHN, AC.400) cùng với bản quét/scan của Nhà xuất bản Dân tộc (Đài Loan) trên CBETA (ảnh 18) hầu như cũng giống nhau<sup>9</sup>, đều là bản của am Kính Sơn Tịch Chiếu 徑山寂照, bản của Việt Nam tuy trải qua quá trình san khắc lại nhưng vẫn bảo lưu lời đề của bản gốc:

“Đan Dương cư sĩ là Hạ Học Lễ giúp tiền khắc quyển thứ nhất *Tăng nhất A hàm kinh*, gồm 6447 chữ, số tiền là 3 lạng 3 tiền 5 phân bạc. Vũ Lâm Thích Tính Tuệ đối chiếu, Từ Phổ ở Trường Châu viết chữ, La Sĩ Quý ở Giang Ninh khắc ván.” 丹陽居士賀學禮施貲刻增一阿含經第一卷計字六千四百四十七箇該銀三兩三錢五分武林釋性慧對長洲徐普書江豐羅仕貴刻萬曆戊申春三月徑山寂照庵識<sup>10</sup>.



Hình 17: Lời đề trong *Tăng nhất A hàm kinh* bản Gia Hưng tạng

Qua đối chiếu, có thể thấy hai bản kinh có hình thức tương đồng. Nhưng quyển 3, 4, 5 trong bản của Viện NCHN không bảo lưu lời đề trong nguyên bản, có thể do bị xóa đi mất, cuối quyển 6 tới quyển 10 vẫn giữ nguyên lời đề; khuyết mất từ quyển 11 tới quyển 20, sau quyển 50 có bài kí trùng san. Về hiện tượng bản in này bị thiếu một số quyển, người phụ trách trùng san là hòa thượng Bảo Định có nói trong bản in rằng: “Mong rằng thượng sĩ mọi phương sau này nếu có thấy, xin chuyển cho tôi khắc bổ sung để trọn vẹn toàn bản” 伏願諸方上士，之後倘有見處，轉我充刻，以全其本<sup>11</sup>, với hi vọng rằng sẽ có người giúp đỡ đưa cho bộ phận bị khuyết thiếu để cho ông có thể san khắc đầy đủ. Năm trùng khắc bản kinh này là năm Mậu Thân niên hiệu Tự Đức thứ nhất (1848). Bản *Phóng quang* của VNCHN được trùng khắc năm 1840, bản *Trường A hàm* của Viện NCHN được trùng khắc năm 1843.

Những bản kinh sách tương đối lớn này đều được san khắc từ triều Minh Mệnh trở về sau, dưới thời nhà Nguyễn. Điều này có liên quan tới sự thay đổi tình thế chính trị ở Việt Nam: tới triều vua Gia Long nhà Nguyễn thì Việt Nam mới hoàn thành thống nhất Nam Bắc, sau một, hai thập niên thì xã hội mới dần ổn định, kinh tế dần được cải thiện; cùng với đó thì phương diện tôn giáo tín ngưỡng dân gian cũng có tiến triển mới, , nhiều người cúng dàng hay quyên góp cho chùa hơn.

#### 4. Những thư tịch Phật giáo hiếm thấy

Từ những thông tin ở trên, có thể thấy ngoài *Chư kinh nhật tụng* do Hoàng Tấn biên tập lại và được Tỉnh Tuyên mang về nước, thì những tác phẩm giai đoạn sớm được trùng san cũng có những giá trị nhất định. Một số bản có thể đã được trực tiếp khắc phủ bản từ “Gia Hưng tạng” thời Vạn Lịch như *Phóng Quang Bát nhã ba la mật kinh*, thậm chí như *Thiên Đồng Giác hòa thượng tụng cổ* hay *Tuyết Đậu Hiển hòa thượng tụng cổ* có thể đã sử dụng bản “tứ gia lục” san khắc năm 1342 của Đại Minh thiên tự. Vì vậy, thư tịch được lưu trữ tại Viện NCHN tuy không thu lục được toàn bộ Phật điển, nhưng có tính đại diện rất cao. Căn cứ vào điều tra của chúng tôi, có một số Phật điển hiện không còn thấy ở Trung Quốc nhưng lại được tìm thấy ở Việt Nam:

\* *Phật thuyết Mục Liên vấn giới luật trung ngũ bách khinh trọng sự kinh tân sớ* 《佛說目連問戒律中五百輕重事經新疏》

Bản sách lưu trữ tại Viện NCHN có ghi chú: “Ti khiêu truyền giới ở chùa Thê Hà là Pháp Thông thời Minh chú giải” 明棲霞寺傳戒比丘法通疏<sup>12</sup>. *Phật thuyết Mục liên vấn giới ngũ bách khinh trọng sự kinh* đã được liệt kê ở cuối phần Luật Tiểu thừa trong *Duyệt tạng tri tân* 《閱藏知津》 của đại sư Ngẫu Ích Trí Húc 蕩益智旭 thời Minh, có ghi chú là: “phụ chép, nghi là bộ luật tạp ngục” 附疑似雜偽律; nhưng pháp sư Hội Tính không cho rằng như vậy, cho rằng đại sư Trí Húc cũng đã nói: “Luật chủ gần đây phần nhiều lưu thông kinh này” 近代律主偏流通此經; Nam Sơn Luật tổ 南山律祖 khi chú sớ các bộ luật cũng dẫn nguồn từ *Phật thuyết Mục Liên vấn giới luật trung ngũ bách khinh trọng sự lược thích* 《佛說目連問戒律中五百輕重事經》 của sa môn Tính Kỳ 性祇 chùa Báo Quốc 報國 (Cô Tô) năm Sùng Trinh thứ 7, thứ hai là bộ *Phật thuyết Mục Liên vấn giới luật trung ngũ bách khinh trọng sự lược thích* 《佛說目連問戒律中五百輕重事經釋》<sup>13</sup> của sa môn Vĩnh Hải 永海 chùa Mẫn Trung 愍忠 năm Thiên Khải thứ 7. Có thể thấy rằng sách này vẫn được pháp sư hoàng truyền Luật các đời sử dụng, quan điểm “nghi là bộ luật tạp ngục” có chỗ cần thảo luận lại.



Hình 18: Bản *Phật thuyết Mục Liên vấn giới luật trung ngũ bách khinh trọng sự kinh tân sớ* của Việt Nam

Tuy nhiên, trong *Đại tạng hội duyệt* 《大藏會閱》 không có ghi chép về tác phẩm này của ti khiêu Pháp Thông. Hội Tính 會性 là vị pháp sư cận đại duyệt kinh tạng lịch đại rất kỹ lưỡng, Phật điển đã được san hành hầu hết đều đã được ông tập hợp, nếu ở Trung Quốc còn bản kinh này thì chắc hẳn đã được ghi chép. Nhưng vì bản kinh này chưa có trong *Đại tạng hội duyệt*, trong *Kinh Sơn tạng* 《徑山藏》 mới xuất bản cũng không đưa vào, nên có thể phán đoán đây là một cuốn sách chú thích đã không còn tại Trung Quốc<sup>14</sup>. Tuy rằng cuốn sách này không ghi chép năm san khắc ban đầu, nhưng niên đại trùng san ở Việt Nam được ghi chép là “Ngày rằm tháng Sáu năm Ki Dậu niên hiệu Cảnh Trị thứ 7 (1669). Thích tử Minh Lương trùng san *Ngũ bách vấn*. Vấn lưu tại chùa Vinh Phúc ở xã Phù Lãng huyện Võ Giàng” 景治七年巳（己）酉蓮月望日釋子明良重刊五百問板留永福禪寺在武江縣扶朗社<sup>15</sup>. Minh Lương là một trong số những đệ tử đắc pháp của thiền sư Chuyết Công. Ngày 8 tháng 7 năm 1644, một tuần trước khi viên tịch, hòa thượng Chuyết Công từ Hà Nội trở về chùa Bút Tháp ở Bắc Ninh, thiền sư Minh Lương tới lễ bái vấn an thì được kê phó chúc: “Thân như mộng ảo không như có/ Vạn vật xuân tươi thu héo khô/ Tùy vận thịnh suy đừng sợ hãi/ Thịnh suy như giọt sương trên cỏ” 身如夢幻有同無，萬物春榮秋復枯，任運盛衰無怖畏，盛衰如露草頭鋪. Sau đó, Minh Lương hầu cận Chuyết Công. Đắc pháp rồi, Minh Lương trở về trụ trì chùa Phúc Lãng núi Côn Cương<sup>16</sup>. Việc trùng san *Phật thuyết Mục Liên vấn giới luật trung ngũ bách khinh trọng sự kinh tân số* năm 1699 hoàn toàn phù hợp với thông tin về thiền sư Minh Lương vừa nêu ở trên, nên sách này có thể do thiền sư Minh Lương đưa vào Việt Nam từ Trung Quốc.

\**Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết ma huyền ti sao*  
《四分律刪補隨機羯磨懸絲鈔》

Ở trong đề yếu, sách này có tên là “*Yết ma sao*, hoặc tên là *Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết ma huyền ti sao*”, nhưng tên *Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết ma huyền ti sao* mới là tên gọi chính xác. Sách này có một bản ở chùa Thắng Nghiêm 勝嚴 (huyện Thanh

Oai, Hà Nội) được đăng tải trên website của Hội Bảo tồn di sản chữ Nôm, và một bản ở Viện NCHN. Cả hai bản này đều là bản in từ ván chùa Linh Quang, phường Báo Thiên, Hà Nội<sup>17</sup>.



Hình 19: Bản *Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết ma huyền ti sao* của Việt Nam

Cả hai văn bản trên đều căn cứ vào bản năm Nhâm Thân niên hiệu Khang Hy (1692) để san khắc lại. Sách này do tỳ khiêu Đức Thành 德成 biên soạn. Trong bài tựa “Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết ma huyền ti sao tự” 四分律刪補隨機羯磨懸絲鈔序, tỳ khiêu Đức Thành có nhắc tới chuyện:

“Luật sư Kiến Nguyệt ở Hoa Sơn trung hưng Luật học, ban đầu lấy *Tùy cơ yết ma* làm chuẩn tắc, cử hành tăng sự trở lại như oai nghi thời đức Phật. Đức Thành là kẻ chẳng sáng suốt, may mắn đọc được sách này, xem hành vi, thấm được hơi thừa của dòng pháp, khiến biển giới lại trong, ... lại giúp bổ khuyết chỗ khuyết lược, tiện sử dụng khi ứng cơ, tổng cộng văn sao 112 quyển” 華山見月律師中興止作, 始以隨機羯磨, 奉為其耆蔡, 舉行僧事儼復佛世威儀。德成不敏, 幸得讀其書, 觀其行事, 霑法流之餘潤, 挹戒海之再清, ……兼復裨補闕略, 以便應機行用, 共成鈔文一十二卷<sup>18</sup>.

Kiến Nguyệt 見月 讀體 là đại sư hoàng truyền Luật giai đoạn cuối Minh đầu Thanh. Tuy năm mất của ngài là 1679 (năm Kỷ Mùi, niên hiệu Khang Hy), nhưng xem xét từ bài tựa của pháp sư

Đức Thành thì vị pháp sư này đã từng thân cận với Luật sư Kiến Nguyệt, cũng theo con đường của ngài mà lấy Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết ma sơ 《四分律刪補隨機羯磨疏》 của Luật tổ Đạo Tuyên 道宣 làm bản thảo gốc để viết Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết ma huyền ti sao. Cuốn sách này ở Trung Quốc cơ hồ không tìm thấy, nhưng lại có vị trí rất quan trọng đối với Luật học ở Việt Nam. Sau này, thiền sư Thanh Hanh chùa Vĩnh Nghiêm khi hiệu đính lại Thúc xoa ma na Sa di ni luật nghi 《式叉摩那沙彌尼律儀》, thường sử dụng Huyền ti sao làm căn cứ tiến hành hiệu đối<sup>19</sup>.

### 5. Lời kết

Trong quá trình phát triển của Phật giáo Việt Nam thời cận đại, từ giữa thế kỉ XVII về sau, khi Việt Nam có nhu cầu đổi mới Phật pháp, gặp thời kì tăng nhân di dân đào thiền cuối Minh đầu Thanh muốn hoàng pháp ở hải ngoại, nên những người đứng đầu chính quyền ở Việt Nam đương thời đã thỉnh Chuyết Công và Minh Hành tới hoàng pháp. Hành trình của hai vị thiền sư này không chỉ hạn chế ở vấn đề di dân mà đã trở thành trung gian và động lực chấn hưng Phật giáo Việt Nam; không chỉ có ảnh hưởng sâu rộng trong Phật giáo mà còn dẫn tới những thay đổi đối với chính trị và xã hội đương thời, nhờ sự hưng khởi của tông phái Thiền mới, ví dụ như hiện trạng quý tộc hoàng thất xuất gia làm ni.

Đồng thời, để bổ sung cho sự khuyết thiếu thư tịch Phật giáo ở Việt Nam, Minh Hành đã được phái về phương Bắc đưa thư tịch Phật giáo tới, như sách *Thủy lục chư khoa* về sau đã trở thành nghi quỹ thường dùng của Phật giáo Việt Nam. Các sách *Phật Tổ tam kinh*, *Bát nhã ba la mật đa tâm kinh trực thuyết* tuy được đệ tử của Minh Hành là Lê Thị Ngọc Duyên san khắc, nhưng loại kinh này thuộc bộ phận kinh điển do Minh Hành về nước đem sang.

Việc hòa thượng Tính Tuyên mang thư tịch Phật giáo về nước thuộc vào giai đoạn muộn, bộ phận chủ yếu là trứ tác của đại sư Hoằng Tán. Tính Tuyên tới Đĩnh Hồ cầu pháp, lại được hòa thượng

Kì Kim Quang Đoan 其金光端 thụ giới cụ túc, bản thân Tính Tuyên trước khi ra đi đã chịu lãnh mong muốn khôi phục Luật học từ bản sư là Như Trừng Lâm Giác do Giới Luật ở Việt Nam đương thời đã suy vi, pháp phái Đỉnh Hồ và đại sư Hoàng Tán nổi danh về Luật học bấy giờ, vậy nên trứ tác ông mang về đa phần là của Hoàng Tán. Trải qua nhiều thế hệ, những thư tịch này vẫn được những người truyền thừa Phật học tôn sùng, tiếp tục san khắc lưu truyền cho tới nay vẫn không ngừng.

Số thư tịch này đa số được lưu trữ tại Viện NCHN. Các sách được lưu trữ ở Viện NCHN hầu hết đều trước thế kỉ XX, đặc biệt là thư tịch Phật giáo chủ yếu là văn bản của giai đoạn sau “Gia Hưng tạng”, vậy nên sự truyền nhập các thư tịch trong “Gia Hưng tạng” giai đoạn cuối Minh - đầu Thanh đối với giao lưu Phật giáo Trung – Việt và sự phục hưng Phật giáo Việt Nam có công hiến rất lớn. Hiện nay những thư tịch Phật giáo hiếm thấy được bảo tồn ở Viện NCHN có giá trị khoa học cao.

Ngoài ra, trong số thư tịch bảo tồn tại Viện NCHN, có những tác phẩm Phật giáo không còn tại Trung Quốc rất có giá trị như: *Phật thuyết Mục Liên vấn giới luật trung ngữ bách kinh trọng sự kinh tân sơ* của tỳ khiêu Pháp Thông chùa Thê Hà đời Minh, *Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết ma huyền ti sao* của Cổ Ngô tỳ khiêu Đức Thành đời Thanh. Nếu điều tra lại sách ở thư viện này, thậm chí điều tra ở Thư viện Quốc gia Việt Nam, chùa miếu và tư tàng thư tịch Phật giáo ở các địa phương, chắc chắn có thể phát hiện thêm nhiều những thư tịch Phật giáo Hán truyền ít thấy. Điều này có ích lợi đối với Phật giáo Việt Nam mà còn có giá trị lớn đối với công tác hoàn thiện văn hiến Phật giáo Trung Quốc. /.

**Nguyễn Đình Hưng dịch,**  
Viện Nghiên cứu Hán Nôm,  
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

**CHÚ THÍCH:**

- 1 *Giải hoặc biên* 《解惑編》, Gia Hưng đại tạng kinh 《嘉興大藏經》 tập 35, kinh số 325.
- 2 *Giải hoặc biên* 《解惑編》 (Viện NCHN, AC.598/1-2).
- 3 *Chư kinh nhật tụng* 《諸經日誦》 (Viện NCHN, AC. 258).
- 4 *Phật Tổ thống kê* 《佛祖統紀》 (Viện NCHN, AC. 528/1-7).
- 5 *Phật Tổ thống kê* 《佛祖統紀》 (Viện NCHN, AC. 528/1-7).
- 6 *Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích* 《四分律名義標釋》 (Viện NCHN, AC. 669/1-10).
- 7 Tham khảo: Cơ sở dữ liệu hình ảnh “Gia Hưng tạng” bản Vạn Lịch 「萬曆版大藏經（嘉興藏）畫像データベース」, *Phóng quang Bát nhã kinh* 《放光般若經》, q. 29, trang cuối. [https://dzkings.l.u-tokyo.ac.jp/utlib\\_kakouzou/021\\_4/0079&lang=&](https://dzkings.l.u-tokyo.ac.jp/utlib_kakouzou/021_4/0079&lang=&)
- 8 Nguyên văn: 掉貢 (ND).
- 9 [dia.dila.edu.tw/jimg/page?page=JMv0431p055](http://dia.dila.edu.tw/jimg/page?page=JMv0431p055).
- 10 *Tăng nhất A hàm kinh* 《增一阿含經》 (Viện NCHN, AC. 400/1).
- 11 *Tăng nhất A hàm kinh* 《增一阿含經》 (Viện NCHN, AC. 400/4).
- 12 *Phật thuyết Mục Liên vấn giới luật ngũ bách khinh trọng sự kinh tân số* 《佛說目連問戒律中五百輕重事經新疏》 (Viện NCHN, AC.315).
- 13 Pháp sư Hội Tĩnh, *Đại tạng hội duyệt* 《大藏會閱》, quyển 3, Nxb Thiên Hoa (Đài Bắc), tái bản năm 1995, tr. 138 – 139.
- 14 Căn cứ vào thông tin từ học giả ở Trung Quốc, có khả năng sách này còn được lưu ở thư viện Quý Châu. Tham khảo: Trần Lâm 陳琳 (chủ biên, 2007), *Mục lục liên hợp cổ tịch tỉnh Quý Châu* 《貴州省古籍聯合目錄》, Nxb Nhân dân Quý Châu, tr. 509. Chúng tôi hiện chưa đối chiếu văn bản học cuốn sách ở Viện NCHN và ở thư viện Quý Châu, tạm lưu lại vấn đề này.
- 15 *Phật thuyết Mục Liên vấn giới luật trung ngũ bách khinh trọng sự kinh tân số* 《佛說目連問戒律中五百輕重事經新疏》 (Viện NCHN, AC. 315).
- 16 Đàm Chí Từ (2008), “Quan hệ truyền thừa và tư tưởng của kiều tăng Chuyết Công hòa thượng cùng với ‘Chuyết Công thiên phái’”, *Bát quế kiều san* 《八桂僑刊》, kì 3, tháng 9, tr. 58 – 63.
- 17 *Tứ phần luật san bổ* 《四分律刪補》, Hội bảo tồn di sản chữ Nôm, TN. 017. <http://lib.nomfoundation.org/collection/2/volume/1341/>, 2018/05/05.
- 18 Tham khảo: *Tứ phần luật san bổ* 《四分律刪補》, tr. 1 – 2. Ở website của Hội Bảo tồn di sản chữ Nôm viết tên sách là *Tứ phần luật san bổ* nhưng tên thật của sách là *Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết ma huyền ti sao* 《四分律刪補隨機羯磨懸絲鈔》, [http://lib.nomfoundation.org/collection/2/volume/1341/\(05/05/2018\)](http://lib.nomfoundation.org/collection/2/volume/1341/(05/05/2018)).
- 19 *Thức xoa ma na Sa di luật nghi* 《式叉摩那沙彌尼律儀》 (Viện NCHN, AC.694). Cuốn sách này do Thanh Hanh hiệu đối năm 1881, tới năm 1883 được pháp sư Tâm Viên trung trị.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. *Tăng nhất A hàm kinh* 《增一阿含經》 [dia.dila.edu.tw/jimg/page?page=JMv0431p055](http://dia.dila.edu.tw/jimg/page?page=JMv0431p055).
2. Cơ sở dữ liệu hình ảnh “Gia Hưng tạng” bản Vạn Lịch 「萬曆版大藏經（嘉興藏）畫像データベース」, , *Phóng quang Bát nhã kinh* 《放光般若經》, q. 29, trang cuối. [https://dzkings.l.u-tokyo.ac.jp/utlib\\_kakouzou/021\\_4/0079&lang=&](https://dzkings.l.u-tokyo.ac.jp/utlib_kakouzou/021_4/0079&lang=&)
3. *Bát nhã Ba la mật đa kinh thêm túc* 《般若波羅密多心經添足》 (Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch ra chữ Hán, sa môn Hoàng Tấn triều Minh chú giải), kí hiệu AC.506 (Viện NCHN).
4. *Bát nhã Ba la mật đa tâm kinh trực thuyết* 《般若波羅密多心經直說》 (Hám Sơn Đức Thanh thuật nghĩa), kí hiệu AC.301 (Viện NCHN).

5. *Bát nhả tâm kinh trực thuyết* 《般若心經直說》 (Thích Đức Thanh thuật), Trung Hoa điện tử Phật điển hiệp hội, CBETA, X26, no. 542.
6. *Bát quan trai pháp* 《八關齋法》 (Thích Hoàng Tân soạn), kí hiệu AC.143 (Viện NCHN).
7. *Chư kinh nhật tụng* 《諸經日誦》 (Văn Thê Châu Hoàng biên tập, Hoàng Tân hiệu đính), kí hiệu AC.258 (Viện NCHN).
8. *Đại Nam thiên uyển truyền dựng lục* 《大南禪苑傳燈集錄》 (Phúc Điền hòa thượng hiệu đính, Thanh Hà viết chữ), kí hiệu A.2767 (Viện NCHN).
9. *Đỉnh Hồ sơn chí* 《鼎湖山志》 (Thích Thành Thử soạn, bài tựa bản khắc năm Khang Hy thứ 56), thu vào: *Trung Quốc Phật tự sử chí vịnh san* – Tập 1, Minh Văn thư cục, 1/1980, tr.47 – 48.
10. *Giải hoặc biên* 《解惑編》 (Thích Hoàng Tân soạn), Gia Hưng đại tạng kinh 《嘉興大藏經》 (bản Tân Văn Phong) quyển 35, No. B325.
11. *Giải hoặc biên* 《解惑編》 (Thích Hoàng Tân soạn), kí hiệu AC.598/1-2 (Viện NCHN).
12. *Hiện Thụy am Báo Nghiêm tháp bi minh* 《獻瑞庵寶嚴塔碑銘》 (Viện NCHN).
13. *Kê đăng lục* 《繼燈錄》 (Sa môn Như Sơn biên tập), kí hiệu AC.158/a (Viện NCHN).
14. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* 《欽定越史通鑑綱目》 (Phan Thanh Giản tu soạn, bản ảnh âm của Thư viện Quốc gia Việt Nam - Sở Nghiên cứu Lịch sử Cận đại), Nxb Trung ương Quốc gia, Hải Phòng, 1969.
15. *Luc đạo tập* 《六道集》 (Thích Hoàng Tân soạn), kí hiệu AC.129 (Viện NCHN).
16. *Phật Tổ tam kinh* 《佛祖三經》 (Bản in lại của chùa Báo Quốc), kí hiệu AC.341 (Viện NCHN).
17. *Phật thuyết Mục Liên vấn giới luật ngũ bách kinh trong sự kinh tân sơ* 《佛說目連問戒律中五百輕重事經新疏》, kí hiệu AC.315 (Viện NCHN).
18. *Phật thuyết Trường a hàm kinh* 《佛說長阿含經》, kí hiệu AC.391 (Viện NCHN).
19. *Phóng quang Bát nhả Ba la mật kinh* 《放光般若波羅蜜經》, kí hiệu AC.527/1-4 (Viện NCHN).
20. *Phổ Quang tháp bi kí* 《普光塔碑記》, Viện NCHN.
21. *Quy Sơn cảnh sách cú thích kí* 《為山警策句釋記》 (Thích Hoàng Tân soạn), kí hiệu AC.140, Viện NCHN.
22. *Sa di luật nghi yếu lược tăng chú* 《沙彌律儀要略增註》, Thích Hoàng Tân soạn, bản in năm 1839 của chùa Quang Minh, kí hiệu AC.622, Viện NCHN.
23. *Tam kinh nhật tụng* 《三經日用》 (Tàng bản chùa Báo Quốc), kí hiệu TN.12, Thư viện chùa Thăng Nghiêm, kí hiệu AC.545, Viện NCHN.
24. *Tam kinh nhật tụng* 《三經日誦》 (Bản do chùa Báo Quốc trùng san sửa trên bản năm Khánh Đức thứ 4 (1652), kí hiệu TN.059, Thư viện chùa Thăng Nghiêm).
25. *Tăng nhất A hàm kinh* 《增一阿含經》, kí hiệu AC.400, Viện NCHN.
26. *Tứ phân luật danh nghĩa tiêu thích* 《四分律名義標釋》 (Thích Hoàng Tân soạn), kí hiệu AC.669/1-10, Viện NCHN.
27. *Tứ phân luật san bổ* 《四分律刪補》, Hội Bảo tồn di sản chữ Nôm, TN. 017, Thư viện chùa Thăng Nghiêm.
28. *Thiên Đồng tụng cổ tập* 《天童頌古集》, kí hiệu AC.314, Viện NCHN.
29. *Thức xoa ma na Sa di luật nghi* 《式叉摩那沙彌尼律儀》, kí hiệu AC.694, Viện NCHN.
30. *Yết ma sao* 《羯摩抄》, kí hiệu AC.149/1-2, Viện NCHN.
31. 黃培芳等纂, 道光《新會縣志》據清道光二十一年版影印, 台北: 成文, 1966年10月。

#### Chuyên khảo

32. Lâm Nhân Sơn (1987), *Mậu dịch tư nhân trên biển giai đoạn cuối Minh đầu Thanh*, Nxb Đại học Sư phạm Hoa Đông, Thượng Hải, tháng 4.
33. Nguyễn Lang (Thích Nhất Hạnh, 2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Văn học Hà Nội, Hà Nội.
34. Li Tana (Lý A Thư, Đỗ Diệu Văn dịch; 2000), *Lịch sử kinh tế xã hội vương triều Nguyễn ở Việt Nam*, Nxb. Văn Tân, Bắc Kinh, tháng 6.
35. Trần Trọng Kim (1992), *Việt Nam thông sử*, Thương vụ ấn thư quán, Bắc Kinh.
36. Sái Hồng Sinh (1997), *Khái quát Phật giáo ở Lĩnh Nam đầu thời nhà Thanh*, Nxb. Cao đẳng Giáo dục Quảng Đông, tháng 7.
37. Nguyễn Quang Khải dịch (2017), *Chuyết Chuyết tổ sư ngữ lục* 《拙拙祖師語錄》, Nxb Thanh Hóa.

38. Pháp sư Hội Tĩnh, *Đại tạng hội duyệt*, quyển 3, Nxb Thiên Hoa (Đài Bắc), tái bản năm 1995
39. Trần Lâm (chủ biên 2007), *Mục lục liên hợp cổ tịch tình Quý Châu*, Nxb Nhân dân Quý Châu.
40. Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin (chủ biên 2005), *Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm*, tập 3, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

**Bài tạp chí**

41. Đàm Chí Từ (2011), “Bối cảnh và đặc điểm phục hưng Phật giáo ở Việt Nam thế kỉ 17 – 18”, *Mãn Nam học báo*, kì 6.
42. Đàm Chí Từ (2007), “Giao lưu Phật giáo giữa Lĩnh Nam và Việt Nam thế kỉ 17 – 18”, *Nghiên cứu tôn giáo thế giới*, kì 3, tr. 43 – 47.
43. Đàm Chí Từ (2006), “Kiều tăng thiên sư Minh Hành hoàng pháp tại Việt Nam”, *Bát quẻ kiều san*, kì 1, tháng 3, tr. 42 – 44.
44. Đàm Chí Từ (2008), “Quan hệ truyền thừa và tư tưởng của kiều tăng Chuyết Công hòa thượng cùng với ‘Chuyết Công thiên phái’”, *Bát quẻ kiều san*, kì 3, tháng 9, tr. 58 – 63.
45. Đàm Chí Từ: “Nguyên nhân hòa thượng Chuyết Công đất Mãn tới Việt Nam”, *Đông Nam Á tung hoành*, tháng 5/2007, trang 60 – 63.
46. Lưu Ngọc Quận (2004), “Khảo thuật giao lưu thư tịch Trung – Việt cổ đại”, *Văn hiến quý san*, kì 4, tr. 85 – 98.
47. Lý Khánh Tân (2015), “Giao lưu thư tịch giữa Quảng Đông và Việt Nam đời Thanh”, *Nghiên cứu học thuật*, kì 12, tr. 93 – 104.
48. Lý Phúc Tiêu, Chu Tịnh (2015), “Luận về sự giai thoại hoá Luật học của thiền sư Hoàng Tân núi Đỉnh Hồ”, *Nghiên cứu học thuật*, số 4, tr. 143 - 147.
49. Nguyễn Thị Kim Phượng (2005), “Khái lược lịch sử Phật giáo Việt Nam”, *Nghiên cứu học thuật*, tr. 350 – 362.
50. Nguyễn Thị Mỹ Châu (2007), *Ảnh hưởng của Phật giáo tại Thuận Hóa Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Dân tộc Quảng Tây.
51. Trần Chính Hòa (Tổng Thành Hữu lược dịch) (1984), “Việt Nam Phật giáo sử lược – từ xưa tới nay”, *An Chi nghiên cứu*, kì 3, tr. 19 – 23.
52. Vương Thị Hường (2013), “Chùa Xiển Pháp - Ngôi chùa và những cuốn sách kinh Phật”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (120); tr. 62-67.
53. Tham khảo: Mayanagi Makoto “Thư tịch y học cổ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam (1)” Kỷ yếu khoa Nhân văn Đại học Ibaraki, *Nghiên cứu nhân văn và truyền thông*, số 12, 2012, pp.19-42 (真柳誠, 〈ベトナム漢喃研究所の古書籍書誌(一)〉, 『茨城大学人文学部紀要・人文コミュニケーション学科論集』12, 2012年, 頁19-42).

**Luận án, luận văn**

1. Lê Thị Thùy Trang (2014), *Khảo sát sự truyền bá Thiên tông ở vùng đất Nam Hà cùng văn hiến tương quan từ thế kỉ 16 tới thế kỉ 19*, Viện Nghiên cứu Cổ tịch – Đại học Sư phạm Hoa Đông, Luận văn Thạc sĩ.
2. Nguyễn Thị Mỹ Châu (2007), *Ảnh hưởng của Phật giáo tại Thuận Hóa*, Đại học Dân tộc Quảng Tây, Luận văn Thạc sĩ
3. Thích Hạnh Tâm (2006), *Quá trình truyền thừa và lưu biến của tông Lâm Tế Trung Quốc tại Việt Nam*, Đại học Sư phạm Đài Loan, Luận văn Thạc sĩ.
4. Thích Thanh Quyết (2001), *Lịch sử Thiên tông Việt Nam*, Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc, Luận án Tiến sĩ.

**Tài liệu truy cập internet**

1. “Hệ thống kho tư liệu về mục lục văn hiến Hán Nôm Việt Nam” [越南漢喃文獻目錄資料庫系統] <http://140.109.24.175/pasweb/>
2. Kho tư liệu số hóa mục lục Kinh tạng Phật giáo [佛教經藏目錄數位資料庫], <http://jinglu.cbeta.org>
3. Cơ sở dữ liệu hình ảnh “Gia Hưng tạng” bản Vạn Lịch [萬曆版大藏經(嘉興藏)畫像データベース], [https://dzkings.l.u-tokyo.ac.jp/utlib\\_kakouzou/021\\_4/0079&lang=&](https://dzkings.l.u-tokyo.ac.jp/utlib_kakouzou/021_4/0079&lang=&)
4. Giới thiệu chùa Khánh Vân núi Đỉnh Hồ, Triệu Khánh, Quảng Đông: <http://big5.xuefo.net/pr/article14/136675.html>.
5. Đàm Chí Từ (2011), “Bối cảnh và đặc điểm phục hưng Phật giáo ở Việt Nam thế kỉ 17 – 18”, *Mãn Nam học báo*, kì 6. <http://www.nanputuo.com/nptxy/html/201103/0415103373499.html>

**Abstract****PRELIMINARY RESEARCH ON THE CHINESE  
BUDDHISM'S BIBLIOGRAPHIES IN THE MING-QING  
DYNASTIES STORED IN VIETNAM**

Vietnam has a long history influenced by Chinese culture, including the introduction of Sino bibliographies. In the period of the seventeenth-eighteenth centuries, the Later Le government, after taking power, revered Confucianism. Then, the Trịnh-Nguyễn Civil War, political and economic fluctuations, the influence of the movement “migration of Zen masters” in China led to arriving of Zen masters to Vietnam to be invited by the rulers. The propagated activities of these Zen masters, Chuyết Công in particular, did not only introduced Buddhism into Vietnam, but they also brought a number of Chinese Buddhist scriptures.

During the Ming dynasty in the early 15th century, bibliographies in Vietnam were severely destroyed. Almost of Buddhist scriptures preserved until this day were mainly imported in the Later Le dynasty. Some bibliographies followed the immigrated Buddhist monks, however, many others were brought by the Vietnamese monks such as Tinh Tuyen. He arrived in Minyue to study Dharma, brought scriptures from Khanh Van pagoda, Dinh Ho mountain, and re-established activities of learning precepts in Vietnam.

The scriptures were imported in that period mainly belonged to “Gia Hưng tạng”, most of them were collected during the French colonial period in Vietnam, then they have been received by the Institute of Hán-Nôm Studies. The number of Buddhist scriptures brought into Vietnam at this stage was very difficult to preserve due to the unfavorable climate, so the majority of them were restored by Vietnamese monks, although there were some changes, they basically retained the characteristics of bibliographies at the end of the Ming dynasty and the beginning of the Qing Dynasty. These Buddhist scriptures, after being introduced into Vietnam, became a fossil of traditional Chinese culture outside of China.

**Keywords:** Buddhist bibliographies; Ming- Qing Dynasties; Chuyết Công monk; Tinh Tuyền Zen master; Institute of Hán-Nôm Studies.